

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 166/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-02-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân;

2. Ông Thái Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1184/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lưu Mộng T, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Số 74 đường L, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Lâm Chí Đ, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 753, tổ 6, ấp S, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 13/6/2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, nguyên đơn bà Lưu Mộng T trình bày:

Bà và ông Lâm Chí Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/2022. Thời gian đầu khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Khoảng tháng 3/2022, bà và ông Đ bất đồng

quan điểm dẫn đến cả hai hay gây gổ, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông Đ không lo làm ăn. Bà và ông Đ quen nhau 03 tháng thì cưới. Bà và ông Đ ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay. Bà sống tại nhà mẹ ruột. Bà không còn liên hệ ông Đ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu ly hôn với ông Lâm Chí Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Bị đơn ông Lâm Chí Đ vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lưu Mộng T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Lâm Chí Đ hiện đang cư trú tại số 753, tổ 6, ấp S, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lâm Chí Đ đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lưu Mộng T và ông Lâm Chí Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/2022.

Xét lời trình bày của bà T thì sau kết hôn giữa bà và ông Đ đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống. Thời gian đầu khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc. Nhưng vào khoảng tháng 3/2022, bà và ông Đ bất đồng quan điểm dẫn đến cả hai hay gây gổ, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông Đ không lo làm ăn. Bà và ông Đ quen nhau 03 tháng thì cưới. Bà và ông Đ ly thân từ tháng 4/2022 cho đến nay. Bà sống tại nhà mẹ ruột. Bà không còn liên hệ ông Đ. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lâm Chí Đ.

Ông Đ đã được Tòa án triệu tập nhưng ông không đến tòa. Ông Đ cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, không có bất cứ tác động nào cho thấy muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Đ là có cơ sở.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Ông Lâm Chí Đ vắng mặt tại phiên tòa. Nếu ông Đ có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lưu Mộng T phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lưu Mộng T là được ly hôn với ông Lâm Chí Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/2022 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Lưu Mộng T phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0018372 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

[6] Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thủy